

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC (Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: PHƯƠNG HOÀNG YẾN
- Năm sinh: 16/06/1978
- Giới tính: Nữ
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): Tiến sĩ, 2014, Đại học KU Leuven, Bỉ
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): Phó giáo sư, 2019, Trường Đại học Cần Thơ

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Giáo dục học
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Phó trưởng khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ
- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo): 2020, 2021, 2022 Hội đồng giáo sư cơ sở Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Cần Thơ.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Không
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Không

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

- Tổng số sách đã chủ biên: 1 sách chuyên khảo; 4 giáo trình.
- Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn).

1. **Phương Hoàng Yến**, Lý Thị Bích Phượng. (2022) Đánh giá kết quả học tập ngoại ngữ. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ. ISBN:
2. Lê Xuân Mai, **Phương Hoàng Yến**, Huỳnh Chí Minh Huyền, Huỳnh Minh Hiền. (2018). Ngữ pháp ứng dụng. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ. ISBN: 978-604-965-013-0.
3. **Phương Hoàng Yến**, Nguyễn Thị Văn Sửu (2019). Using Alternative Assessment to Improve EFL Learners' Learning Achievement: From Theory to Practice. ISBN: 978-1-53615-161-9.

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: **09** bài báo tạp chí trong nước; **17** bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

- Trong nước:

1. **Phương Hoàng Yến**, Lê Thanh Thảo, Nguyễn Anh Thi (2023). Tác động của “rap hát số” đối với giảng dạy tiếng Anh: Nghiên cứu so sánh giữa nhận thức của giáo viên đã áp dụng và chưa áp dụng. *Tạp chí Giáo dục*, 23(8), 40-45.
2. **Phương Hoàng Yến**, Hồ Phương Thùy, Đỗ Thành Nhân, Lê Thanh Thảo (2023). English Major Undergraduates' Unsatisfactory Practicum Experience: A Case Study in Vietnam. *Vietnam Journal of Education*, Volume 7, Issue 1, 38-47
3. **Phương Hoàng Yến**, Lê Thanh Thảo (2022) Nhận thức về động lực học của học viên đối với hệ đào tạo từ xa trực tuyến – ngành Ngôn ngữ Anh. *HNUE JOURNAL OF SCIENCE Educational Sciences*, Volume 67, Issue 5, pp. 50-60.
4. Lê Thanh Thảo, **Phương Hoàng Yến**, Đỗ Thành Nhân, Bùi Nhã Quyên. (2022). Xây dựng nhóm sinh hoạt chuyên môn trực tuyến thông qua mong đợi của giáo viên các cấp đối với mô hình “teacher activity groups”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 58. 299-308.
4. **Phương Hoàng Yến**. (2022). Phát triển bền vững đồng bằng sông cửu long: góc nhìn từ công tác đào tạo từ xa trực tuyến ngành ngôn ngữ Anh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 58. 1-8.
5. Nguyễn Anh Thi, **Phương Hoàng Yến**. Impacts of a one-shot training program for in-service teachers on the application of task-based language teaching. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. Vol. 12, No 3. 38-46; 2020

- Quốc tế:

1. **Phương Hoàng Yến**, Trần Lê Kim Hương, Lê Thanh Thảo (2023). Teaching Beliefs as a Dominant Factor Affecting English Instructors' Choice of Techniques to Teach Young Language Learners. *International Journal of Instruction*, Volume 6(3), pp. 573-596. (SCOPUS – Q1)
2. Lê Xuân Mai, **Phương Hoàng Yến**, Phan Quốc Toàn, Lê Thanh Thảo (2023). Impact of Using Analytic Rubrics for Peer Assessment on EFL Students' Writing Performance: An Experimental Study. *Multicultural Education*, Volume 9, Issue 3, pp. 41-52. (SCOPUS – Q2).
3. Nguyễn Thị Ngọc Nhung, **Phương Hoàng Yến**. (2022) Online learning and its potential in developing EFL learner autonomy: English-majored students' perceptions. *European Journal of English Language Teaching*, 7(6), 186-210, 2022.
3. Lê Thanh Thảo, **Phương Hoàng Yến**, Nguyễn Duy Khang, Bùi Nhã Quyên, Vương Tấn Minh Khôi (2022). Digital drama technique in English as a foreign language teaching and learning: from viewers' and actors' perspectives. *Nurture*. 16. 65–74. (SCOPUS – Q4)
4. **Phương Hoàng Yến**, Huỳnh Chí Minh Huyên, Huỳnh Minh Hiền. (2022). Teachers' perceptions toward blended teaching applied in EFL classroom. *European Journal of Open Education and E-learning Studies*. 7. 145-160.
5. Nguyễn Thị Thùy Linh, **Phương Hoàng Yến**. EFL teachers' strategies and challenges in promoting high school students' autonomy and vocabulary learning - a qualitative study (2022). *European Journal of Education and Pedagogy*. 3. 4-9.
6. Hứa Hồng Hiếu, **Phương Hoàng Yến**. Perceptions of Science High School Students Toward Blended Teaching. (2022). *European Journal of Open Education And E-learning Studies*; 2022.
7. **Phương Hoàng Yến**, Trần Thị Thanh Quyên. (2021). English Teaching Reform in Vietnam: Responses of Non-English Majored Students Toward the Target English Level of The CEFR-V. *Journal of Language and Linguistic Studies* (SCOPUS – Q2).
8. Dorota Domalewska, **Phương Hoàng Yến**, Małgorzata Gawlik Kobylinska, Rebecca K. Webb, Nakonthep Thiparasuparat. (2021). On safe space in education: A Polish-Vietnamese comparative study. *Journal of Human Security*. 17. 35-45; 2021.
12. **Phương Hoàng Yến**, Đặng Thanh Danh. (2021). English-majored students' perceptions on teachers' use of Vietnamese in EFL classrooms. *Journal of English Education and Linguistic Studies*. 8. 221-241.
13. **Phương Hoàng Yến**, Hứa Hồng Hiếu. (2020). Employers' requirements for English-majored students: A case study from Vietnam. *Rangsit journal of social sciences and humanities*. 7. 23-32.

14. Trần Lê Hữu Nghĩa, **Phương Hoàng Yên**, Trần Lê Kim Hương. (2019). The contribution of part-time work experience to pre-service teachers' development of graduate employability. *Advances in Higher Education and Professional Development*. 1. 20-47.

15. **Phương Hoàng Yên**, Võ Phương Quyên. (2019). Students' learning autonomy, involvement and motivation towards their English proficiency. *EduLite Journal of English Education, Literature, and Culture*. 4(1). 1-12; 2019.

16. **Phương Hoàng Yên**, Nguyễn Thiện Thông. (2019). Students' perceptions towards the benefits and drawbacks of EMI classes. *English Language Teaching*.

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 0 cấp Nhà nước; 0 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

1. Rạp hát số tiếng Anh; TCN2021-22, 2022; Cấp cơ sở Trường Đại học Cần Thơ; Chủ nhiệm.

2. Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ Trường Đại học Cần Thơ; T2018-83; 2021; Cấp cơ sở Trường Đại học Cần Thơ; Chủ nhiệm.

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: 0 sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: 0 tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: 0 thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

Không

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 0 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

1. Nguyễn Thị Phụng Duyên. Teaching Intercultural Communicative Competence (ICC) to Business English students-A case study at a college in Vietnam. Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, 2021, hướng dẫn phụ.

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

- Bài báo khoa học quốc tế: **Phương Hoàng Yên**, Trần Lê Kim Hương, Lê Thanh Thảo (2023). Teaching Beliefs as a Dominant Factor Affecting English Instructors' Choice of Techniques to Teach Young Language Learners. *International Journal of Instruction*, Volume 6(3), pp. 573-596. (SCOPUS – Q1)
- Bài báo khoa học quốc tế: Lê Xuân Mai, **Phương Hoàng Yên**, Phan Quốc Toàn, Lê Thanh Thảo (2023). Impact of Using Analytic Rubrics for Peer Assessment on EFL Students' Writing Performance: An Experimental Study. *Multicultural Education*, Volume 9, Issue 3, pp. 41-52. (SCOPUS – Q2).
- Bài báo khoa học quốc tế: Lê Thanh Thảo, **Phương Hoàng Yên**, Nguyễn Duy Khang, Bùi Nhã Quyên, Vương Tấn Minh Khôi (2022). Digital drama technique in English as a foreign language teaching and learning: from viewers' and actors' perspectives. *Nurture*. 16. 65–74. (SCOPUS – Q4).
- Bài báo khoa học quốc tế: **Phương Hoàng Yên**, Trần Thị Thanh Quyên. (2021). English Teaching Reform in Vietnam: Responses of Non-English Majored Students Toward the Target English Level of The CEFR-V. *Journal of Language and Linguistic Studies* (SCOPUS – Q2).
- Sách: *Using Alternative Assessment to Improve EFL Learners' Learning Achievement: From Theory to Practice*, **Phương Hoàng Yên** và Nguyễn Thị Văn Sửu. Nhà xuất bản NOVA Science, New York. Năm 2019. ISBN: 978-1-62257-645-6 (thuộc danh mục SCOPUS)

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

Không có

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

ORCID: <https://orcid.org/0000-0003-0137-47953>.

Hồ sơ Google Scholar:

<https://scholar.google.com/citations?user=V6EzHicAAAAJ&hl=vi>

H-index: 9

Số lượt trích dẫn: 246

4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Tiếng Anh

- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: thành thạo

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 08 tháng 5 năm 2023

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phuong Hoàng Yên